

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU      CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2020/DS-PT  
Ngày 09 – 12 – 2020  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Cẩm Đào

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thế Phương  
Bà Hoàng Thị Hải Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Văn Đoan, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 291/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2020/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 260/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Phong T1, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* Bà Lâm Ngọc T2, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Số 289A, đường Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phan Hoàng V, sinh năm 1962 (vắng mặt)

2. Bà Trương Thị Hồng C, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 09A, đường Nguyễn Ngọc Sanh, khóm 3, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;

3. Ông Hà Thanh Sơn, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 289A, đường Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

- *Người kháng cáo:* Bà Lâm Ngọc T2 là bị đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*\* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Phong T1 trình bày:* Ngày 14/5/2020 giữa anh và bà Lâm Ngọc T2 có ký kết hợp đồng mua bán tôm thẻ, anh là bên mua, bà T2 là bên bán, việc lập hợp đồng có ông Trương Hoàng Sạch và ông Huỳnh Quốc Thới ký tên chứng kiến, nội dung hợp đồng thỏa thuận giá tôm cụ thể như sau:

- Cỡ tôm 25 con về lớn giá 168.000đ/kg, cộng 5.000đ/con.
- Cỡ tôm 25 con về nhỏ giá 160.000đ/kg, trừ 5.000đ/con (trừ tới 27 con).
- Từ 27 con lẽ đến 30 con giá 123.000đ/kg, cộng 2.000đ/con.
- Từ 30 con lẽ về 40 con, giá 30 con lẽ là 117.000đ/kg, lấy mốc 30 con làm chuẩn trừ xuống mỗi con 2.000đ.

Sau khi ký hợp đồng, anh đặt cọc cho bà T2 số tiền 50.000.000 đồng (có biên nhận) và tiến hành kiểm kháng sinh tôm của bà T2. Ngày 15/5/2020 kết quả kháng sinh tại Công ty Thủy sản Minh Phú thể hiện tôm của bà T2 không đạt nên hai bên thỏa thuận giảm giá mua bán tôm xuống 1.000đ/kg, bà T2 đồng ý bán.

Ngày 16/5/2020 trước khi kéo tôm, anh cho bà T2 tạm ứng số tiền 700.000.000 đồng (có biên nhận). Cùng ngày 16/5/2020 kéo tôm lên tổng cộng được 5.659 kg x 112.000 đồng/kg = 633.808.000 đồng. Đối trừ số tiền bà T2 đã nhận 750.000.000 đồng thì chênh lệch thừa là 116.192.000 đồng. Anh yêu cầu bà Lâm Ngọc T2 và ông Hà Thanh S trả cho anh số tiền 116.192.000 đồng.

Anh xác định hợp đồng mua bán anh chỉ ký với bà Lâm Ngọc T2, không liên quan đến ông V và bà C nên anh chỉ khởi kiện bà T2 và yêu cầu bà T2 và chồng là ông S có nghĩa vụ trả cho anh số tiền mua bán tôm còn thừa.

*\* Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Lâm Ngọc T2 trình bày:* Bà xác định giữa bà với anh T1 có ký kết hợp đồng mua bán tôm vào ngày 14/5/2020 đúng như anh T1 trình bày, anh T1 là bên mua, bà là bên bán. Tuy nhiên khi ký hợp đồng bà không xem kỹ và đọc nội dung hợp đồng. Trước khi ký hợp đồng phía anh T1 có gửi cho bà bảng giá tôm (bảng tin nhắn Zalo) theo đó giá tôm 30con/kg là 130.000 đồng/kg nhưng không có văn bản cam kết phải ký hợp đồng theo giá này. Sau khi ký hợp đồng, anh T1 đặt cọc cho bà 02 lần tổng cộng số tiền 750.000.000 đồng. Việc nhận cọc 02 lần đều có biên nhận. Tuy nhiên, khi kéo lên tôm thì hai bên không thỏa thuận được giá tôm vì tôm của bà khi bắt tôm lên cỡ tôm 32 con/kg, có giá 130.000 đồng/kg, trừ lên xuống mỗi con 2.000 đồng, hai con 4.000 đồng, còn 126.000 đồng/kg, tổng số ký là 5.659 kg. Khi hợp đồng hai bên thỏa thuận nếu tôm 25, 26 con/kg thì giá là 165.000 đồng. Do đó, bà yêu cầu giá tôm 32 con/kg là 126.000 đồng (đã giảm 1.000đ/kg theo thỏa thuận, còn 125.000 đồng/kg, lý do giảm không phải tôm của bà không đạt kháng sinh như anh T1 trình bày). Như vậy, khi lập hợp đồng anh T1 ghi giá tôm 30 con lẽ về 40 con giá 30 con nhỏ là 117.000 đồng/kg, trừ xuống mỗi con 2.000 đồng là không đúng với bảng giá trước đó đã gửi cho bà, bà không thống nhất giá tôm này. Tổng cộng số tiền bán tôm theo bà tính là 707.375.000 đồng, trừ số tiền bà đã nhận tạm ứng trước 750.000.000 đồng thì chênh lệch thừa 42.625.000

đồng. Bà chỉ đồng ý trả anh T1 số tiền 42.625.000 đồng, không đồng ý trả 116.192.000 đồng theo yêu cầu nguyên đơn.

Đối với việc nuôi tôm, thì vào năm 2019 vợ chồng bà cùng hùn vốn nuôi tôm với vợ chồng ông V, bà C. Việc hùn vốn chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập thành văn bản. Tuy nhiên, bà là người trực tiếp ký hợp đồng mua bán tôm với anh T1 và nhận tiền từ anh T1. Trường hợp Tòa án buộc trả tiền thừa cho anh T1 thì bà đồng ý nghĩa vụ thanh toán là thuộc về vợ chồng bà. Đối với việc hùn vốn và chia thu nhập để các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện vụ án khác.

*Tại phiên tòa ông Hà Thanh S trình bày:* Ông thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bà Lâm Ngọc T2, không có ý kiến gì khác.

*Tại biên bản ghi ý kiến ông Phan Hoàng V và bà Trương Thị Hồng C thể hiện:* ông bà với ông S và bà T2 có hùn vốn nuôi tôm thê. Việc hùn vốn nuôi tôm các bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập thành văn bản. Sau khi bán tôm cho ông T1 thì các bên chưa kết toán với nhau. Ông, bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Việc hùn vốn nuôi tôm để các bên tự thỏa thuận, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện vụ án khác. Ông, bà xin vắng mặt trong các phiên họp hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số:126/2020/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phong T1.

Buộc bà Lâm Ngọc T2 và ông Hà Thanh S có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Phong T1 số tiền 116.192.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/9/2020, bà Lâm Ngọc T2 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 42.625.000 đồng, không chấp nhận trả cho anh Nguyễn Phong T1 số tiền 116.192.000 đồng.

Phản tranh luận tại phiên tòa: bà T2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Lâm Ngọc T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Lâm Ngọc T2 kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng bà đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 42.625.000 đồng, không chấp nhận trả cho anh Nguyễn Phong T1 số tiền 116.192.000 đồng. Xét đơn kháng cáo bà T2, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Giao dịch mua bán tôm giữa bà T2 và anh T1 có lập thành văn bản hai bên cùng ký xác nhận, bà T2 thừa nhận chữ ký trong hợp đồng mua bán tôm ngày 14/5/2020 và biên nhận tiền ngày 16/5/2020 đúng là chữ ký của bà. Trước khi tiến hành mua bán tôm thì bên mua tôm là anh T1 có đặt tiền cọc cho bên bán là bà T2 50.000.000 đồng và ứng trước khi bắt tôm là 700.000.000 đồng. Sau khi cân tôm và trừ thì bà T2 cho rằng còn thừa lại số tiền 42.625.000 đồng, anh T1 thì cho rằng còn thừa lại số tiền 116.192.000 đồng nên các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ thể hiện, bà T2 thừa nhận chữ ký trong Hợp đồng mua bán tôm ngày 14/5/2020 và biên nhận tiền ngày 16/5/2020, do bà T2 ký tên. Kết quả phân tích của công ty Cổ phần tập đoàn Minh Phú, bản giá tôm của Công ty TNHH Thủy Sản Trần Thủy Tiên.

[4] Bà T2 thừa nhận trước khi ký hợp đồng bà T2 có nhận tiền cọc và tiền đưa trước, Tổng số tiền bà T2 đã nhận từ anh T1 hai lần là 750.000.000 đồng. Khi tiến hành bắt tôm được tổng số lượng là 5.659 kg với số lượng 32 con/1kg. Căn cứ vào giá tôm theo hợp đồng hai bên đã ký thì số tiền bắt tôm là 633.808.000 đồng, còn thừa lại số tiền 116.192.000 đồng là phù hợp.

[5] Việc bà T2 cho rằng khi ký vào hợp đồng mua bán tôm thì bà không đọc lại nội dung nên bà T2 không đồng ý giá theo hợp đồng. Xét thấy, việc bà T2 và anh T1 ký vào hợp đồng mua bán tôm là hoàn toàn tự nguyện, bản thân bà T2 phải có nghĩa vụ biết nội dung vì đây là quyền lợi của bà T2, việc bà cho rằng không đọc nội dung trong hợp đồng nên bị anh T1 lừa là không có căn cứ chấp nhận. Hơn nữa, bà T2 có yêu cầu thu thập giá tôm tại thời điểm mua bán tôm và đã được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập, kết quả trả lời tại bảng giá tôm ngày ngày 16/5/2020 không chênh lệch so với giá tôm anh T1 đã mua của bà T2. Do đó, án sơ thẩm buộc bà T2 có nghĩa vụ trả lại cho anh T1 số tiền còn thừa là 116.192.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T2 cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ để chứng minh yêu cầu kháng cáo của bà T2 nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà T2. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lâm Ngọc T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà T2 phải chịu số tiền 300.000 đồng, ngày 24/9/2020, bà T2 có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng được chuyển thu án phí.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lâm Ngọc T2.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2020/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau:

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phong T1.

Buộc bà Lâm Ngọc T2 và ông Hà Thanh S có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Phong T1 số tiền 116.192.000 đồng.

Kể từ ngày anh Nguyễn Phong T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lâm Ngọc T2 và ông Hà Thanh S không tự nguyện thi hành xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bà Lâm Ngọc T2 và ông Hà Thanh S phải nộp số tiền là 5.809.600 đồng (chưa nộp). Anh Nguyễn Phong T1 không phải nộp. Ngày 20/5/2020, anh T1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.900.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0001859 được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lâm Ngọc T2 phải chịu, ngày 24/9/2020 bà T2 có nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0002406 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Cẩm Đào**